

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 3/43/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;  
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;  
Căn cứ Văn bản số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình, đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040;

Xét đề nghị của UBND huyện Vũ Thư tại Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 17/10/2019 (kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Vũ Thư về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 và Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư tổng hợp kết quả lấy ý kiến về Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040); ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 370/BC-SXD ngày 07/11/2019 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 ngày 01/11/2019).

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. Tên đồ án:** Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.

## **II. Nội dung đồ án quy hoạch**

### **1. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch**

#### **1.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch**

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Vũ Thư gồm 29 xã và 01 thị trấn; Ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc giáp huyện Đông Hưng và huyện Hưng Hà;
- Phía Nam giáp huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định;
- Phía Đông giáp thành phố Thái Bình và huyện Kiến Xương;
- Phía Tây giáp thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc và huyện Nam Trực tỉnh Nam Định.

#### **1.2. Diện tích lập quy hoạch**

Tổng diện tích lập quy hoạch là 19.693,88 ha (196,938 km<sup>2</sup>).

#### **1.3. Thời kỳ lập quy hoạch:** Đến năm 2040.

### **2. Tính chất**

- Là cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Thái Bình, có vai trò kết nối kinh tế tỉnh Thái Bình với tỉnh Nam Định và vùng thủ đô Hà Nội.

- Là vùng kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ đô thị.

- Là khu vực có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và đảm bảo an ninh quốc phòng.

### **3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng**

#### **3.1. Dự báo về chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

- Đến năm 2030: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp 20%; công nghiệp 55%; dịch vụ 25%.
- Đến năm 2040: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp 10%; công nghiệp 65%; dịch vụ 25%.

#### **3.2. Dự báo phát triển dân số, tỷ lệ đô thị hóa**

- Hiện trạng năm 2018: Dân số toàn vùng huyện khoảng 218.630 người; Trong đó dân số đô thị (thị trấn Vũ Thư, khu vực xã Minh Quang, Song An) 18.520 người, dân số nông thôn 200.110 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt 8,5%.

- Đến năm 2030: Dân số toàn vùng huyện khoảng 248.997 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 119.518 người; dân số nông thôn khoảng 129.479 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 48%.

- Đến năm 2040: Dân số toàn vùng huyện khoảng 283.943 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 141.971 người; dân số nông thôn khoảng 141.972 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50%.

#### **3.3. Dự báo về quy mô đất đai**

Chỉ tiêu đất dân dụng: Đến năm 2030 đạt khoảng 2.988 ha, bình quân 120m<sup>2</sup>/người; Đến năm 2040 đạt khoảng 3.691 ha, bình quân 130m<sup>2</sup>/người.

#### **3.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật**

Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2008/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

## **4. Định hướng phát triển không gian vùng**

### **4.1. Mô hình phát triển không gian vùng**

Phát triển theo mô hình trung tâm các tiểu vùng gắn với các trục hành lang kinh tế, đảm bảo khả năng liên kết, hỗ trợ, có hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ và môi trường bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Vùng huyện phát triển không gian thành 2 tiểu vùng.

4.1.1. Vùng kinh tế động lực chủ đạo: Vùng kinh tế động lực chủ đạo trong chiến lược phát triển vùng huyện Vũ Thư là vùng đô thị và vùng liên kết phát triển ngoại biên, có tính chất vai trò như sau:

+ Vùng đô thị: Bao gồm đô thị Vũ Thư và các xã Minh Quang, Minh Khai, Tam Quang, Dũng Nghĩa, Bách Thuận, Tân Lập, Tụ Tân, Hòa Bình, Song An. Khu vực này có lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật, có mối quan hệ đa chiều với các trung tâm kinh tế - xã hội khác thông qua hành lang kinh tế - kỹ thuật đô thị Quốc lộ 10... Đây là vùng có tiềm năng phát triển chủ đạo về đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại, giao thông vận tải, du lịch trải nghiệm.

+ Vùng liên kết phát triển ngoại biên: Bao gồm đô thị Tân Phong và đô thị Vũ Hội; khu vực này có lợi thế về vị trí địa lý tiếp giáp với thành phố Thái Bình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ với khả năng giao thương thông qua hành lang kinh tế kỹ thuật đường tỉnh ĐT.454, có tiềm năng phát triển về dịch vụ thương mại và công nghiệp.

#### **4.1.2. Vùng kinh tế động lực thứ cấp**

Bao gồm các không gian còn lại trên địa bàn huyện; trong đó: Đô thị Xuân Hòa là trung tâm tiểu vùng phía Tây Bắc và đô thị Vũ Tiến là trung tâm tiểu vùng phía Nam, khai thác những lợi thế hành lang kinh tế - kỹ thuật đô thị đường tỉnh ĐT.454; ĐT.463; Là trung tâm tiểu vùng phát triển theo hướng nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

## **4.2. Định hướng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn**

### **4.2.1. Định hướng phát triển đô thị.**

#### **- Đô thị Vũ Thư**

+ Vị trí: Nằm tại vị trí trung tâm huyện Vũ Thư.

+ Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ đô thị Vũ Thư và xã Minh Quang, Minh Khai, Tam Quang, Dũng Nghĩa, Bách Thuận, Tân Lập, Tụ Tân, Hòa Bình, Song An; Định hướng mở rộng không gian: Về phía Bắc sang xã Minh Quang; về phía Tây sang các xã Minh Khai, Tam Quang, Dũng Nghĩa, Tụ Tân, Tân Lập, Bách Thuận; về phía Nam sang xã Hòa Bình, về phía Đông sang xã Song An.

+ Tính chất: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của huyện Vũ Thư; Là vùng kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ đô thị.

+ Diện tích: Diện tích đất tự nhiên khoảng 5.678 ha.

+ Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 115.000 người (trong đó dân số nội thị: 60.000 người); đến năm 2030 khoảng 120.000 người (trong đó dân số nội thị: 80.000 người); đến năm 2040 khoảng 135.000 người (trong đó dân số nội thị: 97.970 người).

+ Cấp đô thị: Hiện trạng là đô thị loại V; đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

### **- Đô thị Xuân Hòa**

- + Vị trí: Nằm ở phía Tây Bắc huyện Vũ Thư.
- + Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Xuân Hòa.
- + Tính chất: Là trung tâm tiểu vùng, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ phía Tây Bắc huyện Vũ Thư.
- + Diện tích: Diện tích đất tự nhiên là: 798 ha.
- + Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 8.500 người; đến năm 2030 khoảng 9.000 người; đến năm 2040 khoảng 10.000 người.
- + Cấp đô thị: Đến năm 2030 là đô thị loại V.

### **- Đô thị Tân Phong**

- + Vị trí: Nằm ở phía Đông Bắc huyện Vũ Thư.
- + Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Tân Phong;
- + Tính chất: Là trung tâm tiểu vùng, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ phía Đông Bắc huyện Vũ Thư.
- + Diện tích: Diện tích đất tự nhiên là: 709 ha.
- + Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 8.500 người; đến năm 2030 khoảng 9.000 người; đến năm 2040 khoảng 10.000 người.
- + Cấp đô thị: Đến năm 2030 là đô thị loại V;

### **- Đô thị Vũ Hội**

- + Vị trí: Nằm ở phía Đông Nam huyện Vũ Thư.
- + Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Vũ Hội;
- + Tính chất: Là trung tâm tiểu vùng, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ phía Đông Nam huyện Vũ Thư.
- + Diện tích: Diện tích đất tự nhiên là: 571 ha.
- + Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 10.500 người; đến năm 2030 khoảng 11.000 người; đến năm 2040 khoảng 12.000 người.
- + Cấp đô thị: Đến năm 2030 là đô thị loại V;

### **- Đô thị Vũ Tiến**

- + Vị trí: Nằm ở phía Nam huyện Vũ Thư.
- + Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Vũ Tiến;
- + Tính chất: Là trung tâm tiểu vùng, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ phía Nam huyện Vũ Thư.
- + Diện tích: Diện tích đất tự nhiên là: 782 ha.
- + Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 10.500 người; đến năm 2030 khoảng 11.000 người; đến năm 2040 khoảng 12.000 người.
- + Cấp đô thị: Đến năm 2030 là đô thị loại V.

#### **4.2.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn**

- Đối với các vùng nông thôn: Cần tạo động lực để phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ thương mại; Xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để khai thác tiềm năng lợi thế, tạo động lực mới để phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng các điểm dân cư nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, giàu bản sắc gắn với phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo hướng ổn định xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh trật tự và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Trên cơ sở các xã đã về đích nông thôn mới, lựa chọn thí điểm và nhân rộng mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu;

- Đến năm 2040 sau khi đô thị Vũ Thư mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV, đô thị Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến đạt tiêu chí đô thị loại V; hệ thống điểm dân cư nông thôn gồm các xã: Hồng Lý, Đồng Thanh, Hiệp Hòa, Phúc Thành, Song Lãng, Tân Hòa, Việt Hùng, Minh Lãng, Nguyên Xá, Việt Thuận, Trung An, Vũ Vinh, Vũ Đoài, Vũ Vân, Duy Nhất, Hồng Phong.

### **4.3. Định hướng phát triển không gian kinh tế**

#### **4.3.1. Định hướng phát triển công nghiệp**

Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường với các ngành chủ đạo gồm: Công nghiệp công nghệ cao, cơ khí chế tạo; sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, các phương tiện vận tải; công nghiệp hỗ trợ dệt may, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm và ngành sản xuất tiêu dùng khác: Gồm các vùng sau:

- Vùng công nghiệp 1: Khu vực phía Bắc huyện, gồm Khu công nghiệp Sông Trà, quy mô 150,48 ha (thuộc huyện Vũ Thư, thành phố Thái Bình); Khu công nghiệp Sông Trà II, quy mô 300 ha; cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, quy mô 36 ha; các cụm công nghiệp Tân Minh (quy mô 30 ha) và cụm công nghiệp Tam Quang (quy mô 39,5 ha) từng bước dịch chuyển thành khu vực dịch vụ đô thị; mở rộng cụm công nghiệp Phúc Thành với quy mô 50 ha, mở rộng cụm công nghiệp Minh Lãng với quy mô 70 ha, quy hoạch cụm công nghiệp Đồng Thanh quy mô 35ha. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường, khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến đường Quốc lộ 10, đường tỉnh ĐT.454.

- Vùng công nghiệp 2: Khu vực phía Nam huyện gồm: mở rộng cụm công nghiệp Nguyên Xá quy mô 70 ha; mở rộng cụm công nghiệp Vũ Hội quy mô 70 ha; khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến đường tỉnh ĐT.463; ĐT.454; ĐH.03.

#### **4.3.2. Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp**

Quy hoạch phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao, năng suất, chất lượng, khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên, phát triển và sử dụng bền vững đất nông nghiệp. Định hướng phân thành 5 vùng sau:

- Vùng I: Vùng sản xuất lúa tập trung, gồm các xã: Xuân Hòa, Hiệp Hòa, Song Lãng, Minh Lãng, Phúc Thành, Tân Hòa, Tân Phong, Minh Khai, Tam Quang, Vũ Hội, Vũ Vinh, Vũ Vân, Vũ Tiến, Duy Nhất, Tự Tân, Hòa Bình, Nguyên Xá.

- Vùng II: Vùng trồng cây màu và cây dược liệu, gồm các xã: Minh Quang, Minh Khai, Hòa Bình, Song An, Trung An, Vũ Vân, Việt Thuận, Hồng Phong, Tân Phong, Nguyên Xá, Hồng Lý, Song Lãng.

- Vùng III: Vùng trồng hoa, cây cảnh, gồm các xã: Bách Thuận, Tự Tân, Tân Lập.

- Vùng IV: Vùng trồng cây ăn quả, gồm các xã: Dũng Nghĩa, Hồng Lý, Đồng Thanh, Việt Hùng, Hồng Phong, Duy Nhất, Vũ Đoài, Vũ Vân, Minh Lãng, Tân Hòa.

- Vùng V: Vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, gồm các xã: Tân Phong, Phúc Thành, Xuân Hòa, Hiệp Hòa, Vũ Đoài, Vũ Tiến, Duy Nhất, Việt Thuận, Việt Hùng, Hồng Lý.

- Hệ thống hạ tầng phục vụ nông nghiệp gồm: Hệ thống đê sông được tu bổ định kỳ đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất nông nghiệp; hệ thống cống, trạm bơm, sông trục, kênh mương thủy lợi, định kỳ bảo trì, nạo vét khơi thông dòng chảy phục vụ sản xuất nông nghiệp.

#### 4.3.3. Định hướng phát triển dịch vụ

- Khu dịch vụ tổng hợp tại đô thị Vũ Thư 50 ha; đô thị Xuân Hòa quy mô 20ha; đô thị Tân Phong quy mô 20ha; đô thị Vũ Hội quy mô 20ha; đô thị Vũ Tiến quy mô 20ha;

- Chợ: Xây dựng hoàn thiện 23 chợ hiện có; nâng cấp hệ thống chợ đạt tiêu chí chợ hạng II và hạng III; Phát triển hệ thống trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện dụng tại trung tâm các xã và khu dân cư;

- Về du lịch: Phát triển du lịch gắn với sự kiện, lễ hội, văn hóa lịch sử: chùa Keo, khu lưu niệm Bác Hồ, chùa Từ Vân...; du lịch trải nghiệm tại làng vườn sinh thái xã Bách Thuận, làng vườn sinh vật cảnh xã Tân Lập, trồng dâu nuôi tằm xã Hồng Phong, vườn hoa cải xã Hồng Lý, du lịch trải nghiệm trên sông Hồng từ cầu Tân Đệ đến xã Hồng Phong...; kết nối các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

#### 4.4. Định hướng phát triển không gian hạ tầng xã hội

- Hệ thống công trình hành chính: Phát triển hệ thống cơ quan, công sở gắn với hoạch chung đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển tổ chức hành chính mới. Hoàn thiện trung tâm hành chính đô thị Vũ Thư, Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến.

- Hệ thống văn hóa: Xây dựng trung tâm văn hóa cấp vùng gắn với khu dịch vụ đô thị Vũ Thư; Phát triển hệ thống văn hóa hiện đại gắn với đô thị, nông thôn, khu du lịch..., hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp xã.

- Hệ thống giáo dục: Cải tạo, nâng cấp hệ thống Trường trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn tại đô thị Vũ Thư; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế chủ đạo cấp vùng; nâng cấp, cải tạo hệ thống trường trung học phổ thông hiện có.

- Hệ thống Y tế: Hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa Vũ Thư. Xây dựng Phòng khám đa khoa tại đô thị Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến phục vụ nhu cầu tại các tiểu vùng. Hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cơ sở y tế cấp xã.

- Hệ thống công trình thể thao: Xây dựng Sân vận động, Nhà thi đấu cấp vùng theo quy hoạch tại đô thị Vũ Thư; Sân vận động cấp đô thị tại Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến; các công trình luyện tập thể thao cấp đô thị đạt tiêu chuẩn, đồng thời nâng cấp hệ thống công trình thể thao cơ sở hiện hữu.

- Hệ thống nhà ở:

+ Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch, Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở được duyệt theo hướng đồng bộ hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng; đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

+ Phát triển hệ thống nhà ở thương mại tại đô thị và vùng cận đô thị nhằm khai thác lợi thế và tạo động lực phát triển toàn vùng huyện.

+ Phát triển nhà ở nông thôn theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, quy mô từ 3 ha - 10 ha, theo hướng đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc.

+ Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân gắn với quy hoạch các khu công nghiệp theo mô hình công nghiệp tổng hợp (công nghiệp - dịch vụ - đô thị).

#### **4.5. Định hướng phát triển vùng cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa lịch sử, du lịch và bảo tồn**

- Phát triển không gian cảnh quan vùng huyện hiện đại, dựa trên cấu trúc cảnh quan và sinh thái tự nhiên, đặc biệt khai thác cảnh quan sông Kiến Giang, sông Trà Lý, sông Hồng phù hợp với điều kiện văn hóa và tự nhiên.

+ Vùng cảnh quan ven sông: Khai thác vùng cảnh quan hai bên sông Kiến Giang, sông Trà Lý, sông Hồng tạo ra các không gian mở, các dải cây xanh.

+ Hình thành các vùng sản xuất gắn với phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp và trải nghiệm.

+ Đối với các khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống công viên cây xanh, không gian mặt nước theo quy định; Tạo lập các không gian nghỉ ngơi cho người dân và nâng cao tiện ích đô thị.

+ Tại các vùng nông thôn: Tận dụng tối đa hệ thống không gian mặt nước hiện hữu để phát triển không gian xanh gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Vùng di sản văn hóa và lịch sử: Hệ thống công trình tôn giáo, di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị vật thể và phi vật thể trong vùng huyện được tôn tạo, gìn giữ và bảo tồn phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch.

- Vùng bảo tồn và cấm hoặc hạn chế xây dựng gồm: Di tích lịch sử, văn hoá; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực hành lang ven sông Trà Lý, sông Hồng.

#### **5. Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

STT	Loại đất	Năm 2018		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	13.102,46	66,53	11.591,57	58,85	10.130,57	51,44
2	Đất phi nông nghiệp	6.536,11	33,18	8.047	40,86	9.508	48,27
	- Đất dân dụng	2.393		2.988		3.691	
	- Đất ngoài dân dụng	4.143,11		5.059		5.817	
3	Đất chưa sử dụng	55,31	0,29	55,31	0,29	55,31	0,29
4	Tổng diện tích	19.693,88	100,00	19.693,88	100,00	19.693,88	100,00

#### **6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng**

##### **6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông**

- Hệ thống giao thông đối ngoại: Đường vành đai phía Nam nối từ Quốc lộ 10 đến tuyến đường bộ ven biển; Quốc lộ 10; Đường Lê Quý Đôn kéo dài qua khu vực xã Tân Phong kết nối với đường Thái Bình - Hà Nam; đường tỉnh ĐT.452; đường tỉnh ĐT.454; đường tỉnh ĐT.463.

- Giao thông đối nội: Các tuyến đường huyện được đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt quy mô tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV đồng bằng.

## **6.2. Quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt (Chuẩn bị kỹ thuật)**

- Quy hoạch cao độ nền:

+ Khu vực phát triển đô thị:  $H_{xd} \geq +1,80m$ ;

+ Khu vực phát triển công nghiệp:  $H_{xd} \geq +2,0m$ ;

- Thoát nước mặt: Chia thành 5 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực 1 (khu vực phía Đông Bắc huyện); Lưu vực 2 (khu vực trung tâm huyện); Lưu vực 3 (khu vực phía Tây Nam huyện); Lưu vực 4 (khu vực phía Đông Nam huyện); Lưu vực 5 (khu vực bãi sông Hồng).

## **6.3. Định hướng cấp nước**

- Nguồn nước cấp cho toàn huyện được lấy từ sông Hồng và sông Trà Lý.

- Nhu cầu dùng nước: Đến năm 2030, nhu cầu dùng nước toàn huyện khoảng 66.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Đến năm 2040 đạt khoảng: 86.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Công trình đầu mối:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên hệ thống nhà máy nước hiện có. Nâng công suất các nhà máy nước: Trạm cấp nước thị trấn Vũ Thư (10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Nhà máy nước Xuân Hòa (15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Nhà máy nước Việt Thuận (15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Nhà máy nước Nguyên Xá (15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

+ Giai đoạn đến năm 2040: Khai thác ổn định hệ thống Nhà máy nước hiện có. Nâng công suất các nhà máy nước: Nhà máy nước Xuân Hòa (20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Nhà máy nước Việt Thuận (20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Nhà máy nước Vũ Tiến (10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Nhà máy nước Minh Lãng (10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

## **6.4. Định hướng cấp điện**

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu vực huyện Vũ Thư hiện nay được lấy từ trạm 110kV Vũ Thư từ lộ 374-110kV đi thành phố Thái Bình và lộ 110kV đi Nam Định.

- Lưới điện 110kV: Nâng cấp công suất Trạm 110kV Vũ Thư đến năm 2030 là 40MVA, đến năm 2040 nâng công suất lên thành 2x63MVA; Kết hợp xây mới Trạm 110kV Sông Trà công suất đến năm 2030 là 40MVA, đến năm 2040 nâng công suất lên thành 2x63MVA.

- Lưới 22KV:

+ Khu vực thị trấn Vũ Thư, đô thị Tân Phong, đô thị Xuân Hòa, đô thị Vũ Hội, đô thị Vũ Tiến lưới trung thế về lâu dài cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị, dần đồng bộ nâng áp về cấp điện áp tiêu chuẩn 22KV, bố trí đi ngầm sử dụng cáp ngầm trung thế.

+ Các khu vực còn lại lưới trung thế 22KV bố trí đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng cáp bọc hợp kim nhôm AAAC.

+ Các tuyến trung thế 10KV, 35KV hiện có không phù hợp với quy hoạch cần được đầu tư di chuyển cải tạo nâng cấp điện áp lên 22KV và đi theo các tuyến đường quy hoạch.

## **6.5. Định hướng thông tin liên lạc**

- Bưu chính: Phát triển dịch vụ bưu chính điện tử; đa dạng hóa loại hình dịch vụ, thanh toán điện tử.



- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông; cáp quang đến 100% xã, cụm xã; Phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN. Ngâm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

## **6.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang**

### **6.6.1. Thoát nước thải**

- Tại khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng đưa về các Trạm xử lý nước thải tập trung;

- Tại các Khu, Cụm công nghiệp: Nước thải được xử lý cục bộ trong từng nhà máy trước khi được xử lý lần 2 tại các Trạm xử lý nước thải tập trung của từng Khu, Cụm công nghiệp;

- Tại các Bệnh viện và cơ sở y tế: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung;

- Tại khu vực làng xóm hiện hữu: 100% các hộ gia đình phải có khu vệ sinh đảm bảo quy định, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách;

- Các điểm dân cư nông thôn có lượng nước nhỏ và phân tán: Xây dựng nương đậy tấm đan, thoát nước chung với nước mưa, tận dụng hệ thống kênh, nương nội đồng, ao hồ sẵn có để thu gom, xử lý sinh học. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp;

- Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại chăn nuôi tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân loại rác thải và thu khí gas phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

### **6.6.2. Quản lý chất thải rắn (CTR)**

- Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Hòa - Việt Hùng, diện tích khoảng 5,0 ha.

- Các lò đốt rác tại các địa phương duy trì hoạt động đến 2030; giai đoạn sau năm 2030, rác thải được xử lý tập trung tại Nhà máy rác cấp vùng.

- Tại các Khu công nghiệp: Xây dựng các Nhà máy thu gom, xử lý rác thải theo quy mô, tính chất của từng Khu công nghiệp.

- Rác thải trong các Bệnh viện, cơ sở y tế và chăn nuôi tập trung được thu gom, phân loại và xử lý tại Nhà máy xử lý rác cấp vùng.

- Rác thải tại khu vực đô thị được thu gom và xử lý 100%; tại nông thôn tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 80%.

### **6.6.3. Nghĩa trang**

- Tại các đô thị: Xây dựng các nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch đô thị được phê duyệt. Các nghĩa trang hiện hữu không đủ khoảng cách ly vệ sinh an toàn môi trường sẽ tiến tới đóng cửa. Sau năm 2030 toàn bộ hoạt động an táng được đưa về nghĩa trang tập trung.

- Tại khu vực nông thôn: Các nghĩa trang nhân dân hiện hữu được tổ chức lại khang trang, có hành lang cây xanh cách ly và hệ thống thu gom xử lý kỹ thuật đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Các nghĩa trang xây dựng mới được thực hiện theo mô hình Nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu.

- Xây dựng các cơ chế chính sách, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

## **7. Đánh giá môi trường chiến lược**

### **7.1. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường**

- Xây dựng khung pháp lý để quản lý theo quy hoạch được phê duyệt, hoàn thiện các chương trình đề án, kế hoạch về bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác xây dựng, quản lý đô thị và bảo vệ môi trường, tuyên truyền pháp luật, công bố công khai quy hoạch tạo đồng thuận, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân của tổ chức và của cộng đồng trong việc chấp hành luật pháp về thực hiện đầu tư xây dựng quản lý đô thị và bảo vệ môi trường;

- Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp.

### **7.2. Các giải pháp chủ yếu đối với từng phân vùng**

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Khu, Cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO 14000;

- Khu vực nông thôn: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp;

- Khu vực hành lang xanh: Bao gồm toàn bộ không gian cây xanh, mặt nước của đô thị nhằm chống úng ngập, bảo vệ hệ sinh thái, kiểm soát ô nhiễm, điều hòa vi khí hậu và phục hồi môi trường.

### **7.3. Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu**

- Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ phát triển bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven đê, ven sông.

## **8. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng trong kỳ quy hoạch**

- Các dự án do Trung ương đầu tư: Xây dựng nâng cấp hệ thống đường Quốc lộ 10; Đường vành đai phía Nam tuyến đường nối từ Quốc lộ 10 đến đường ven biển; tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi đường Thái Bình - Hà Nam; Dự án Cảng sông Tân Đệ, cảng sông Hòa Bình; Dự án củng cố nâng cấp đê, kè và đường cứu hộ sông Hồng, sông Trà Lý; Các dự án hạ tầng xã hội vùng khác.

- Các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư: Xây dựng tuyến đường tỉnh ĐT.452 từ cầu La Tiến đến cầu Tân Đệ; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.454, ĐT. 463; Dự án kè và làm đường, hệ thống thoát nước sông Kiến Giang;

Dự án khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao; Hệ thống hạ tầng khung các tuyến giao thông kết nối các khu đô thị, Khu, Cụm công nghiệp, khu du lịch theo quy hoạch; Hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Các dự án do Ủy ban nhân dân huyện đầu tư: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện ĐH.06; ĐH.11; ĐH.13...; Các dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng; Các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục; Các dự án hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang, xử lý rác thải.

- Các dự án kêu gọi đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp và các dự án sản xuất công nghiệp của nhà đầu tư thứ cấp; Dự án đầu tư xây dựng, khai thác bến xe khách, xe buýt, bến tàu phục vụ du lịch; Dự án đầu tư xây dựng và khai thác các khu du lịch, công viên và khu vui chơi giải trí ven sông...; Dự án cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; Dự án phát triển nhà ở (gồm cả nhà ở xã hội); Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại các khu công nghiệp; Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư và đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ theo các nội dung được phê duyệt, có xác nhận của Sở Xây dựng làm căn cứ quản lý quy hoạch, lưu trữ hồ sơ và phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công bố công khai để nhân dân biết, thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, huyện Vũ Thư; Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTXD. *mn*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ĐANG TRỌNG THẮNG



Đang Trọng Thăng